

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2025/HS-PT

Ngày: 31 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Ông Hoàng Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Lê Quang H bị kết án về tội “Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 754/2024/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Quang H**, sinh năm 1983, tại huyện T, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn M, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ văn hóa: 12/12 (Thạc sỹ Quản lý Xây dựng ĐH Thủy lợi); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn L và con bà Đặng Thị H; Có vợ: Vũ Thị V và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Người bào chữa: Ông Lương Huy H, Luật sư của Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

Trong vụ án còn có các bị cáo khác và người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Căn cứ pháp lý thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội.

Thực hiện việc đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T, UBND thành phố Hà Nội và UBND huyện T đã ban hành các quyết định triển khai: Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 12600/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về việc ban hành Quy chế phân công, phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện T; Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện T về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T; Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện T về việc thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng tại xã M thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T; Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện T về việc kiện toàn Tổ công tác giải phóng mặt bằng tại xã M thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T.

Để triển khai thực hiện, UBND huyện T đã ra Quyết định số 5078 ngày 29/8/2022 phân công Nguyễn Xuân B- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là TN&MT) huyện T là ủy viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 6635 ngày 21/11/2022 phân công Lê Xuân N- cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất (viết tắt là PTQĐ) huyện T là tổ phó Tổ công tác giải phóng mặt bằng xã M cùng Lê Quang H- cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T là tổ viên; Quyết định số 01 ngày 08/01/2024 của Phòng TN&MT huyện T phân công Phạm Thái S có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Năm 2023, quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng (viết tắt là GPMB) để xây dựng tuyến đường Vành đai 4- Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T, một số cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất, cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có sai phạm trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ dân trên địa bàn, gây thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 2.388.164.528 đồng. Hành vi sai phạm cụ thể như sau:

2. Hành vi vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Ngày 28/02/2023, Tổ công tác GPMB trong đó có Lê Xuân N và Lê Quang H đều là cán bộ Trung tâm PTQĐ, thành viên Tổ công tác đã tiến hành kiểm đếm, đo đạc đối với phần diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi của hộ ông Lê Văn C (sinh năm: 1968; Trú tại: thôn P, xã M, huyện T, Hà Nội) tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 9 xã M. Theo kết quả kiểm đếm, đo đạc tại Biên bản được lập, đất và tài sản của ông C bao gồm: 302,8m² đất nông nghiệp, trong đó: 105,5m² đất nông nghiệp bị thu hồi vĩnh viễn và 197,3m² đất nông nghiệp thực tế hộ gia đình đang sử dụng, công trình (nhà 02 tầng, nhà tạm) và cây trồng trên đất.

Sau khi Tổ công tác GPMB kiểm đếm, đo đạc xong đối với hộ ông Lê Văn C, Nguyễn Thị Minh T- Cán bộ địa chính UBND xã M soạn thảo Giấy xác nhận hộ ông Lê Văn C có thửa đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, trình Lê Duy Th- Chủ tịch UBND xã M ký, gửi cho Trung tâm PTQĐ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Lê Xuân N- cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T biết rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Lê Văn C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhưng vẫn hướng dẫn cho Nguyễn Thị Minh T chỉnh sửa nội dung, xác nhận nguồn gốc đất nhằm mục đích bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Văn C theo diện đất ở. Ngày 23/02/2024, Nguyễn Thị Minh T soạn thảo lại Giấy xác nhận (không số) với nội dung: Xác nhận cho hộ ông C: “Thửa đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở” và trình Lê Duy Th ký xác nhận để gửi lại cho Trung tâm PTQĐ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

Mặc dù biết thửa đất của hộ ông Lê Văn C là đất nông nghiệp không thuộc diện đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và phù hợp quy hoạch sử dụng đất ở, thuộc diện không được bồi thường như đất ở. Tuy nhiên, sau khi nhận Giấy xác nhận do Lê Duy Th- Chủ tịch xã M ký và thẩm tra

cùng Biên bản khảo sát, đo đạc ngày 24/02/2024, Lê Xuân N- cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T vẫn lập Tờ trình số 43/TTr-PTQĐ đề nghị thẩm tra dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 7 thôn P, xã M) và ký nháy; sau đó chuyển cho Nguyễn Công Q- Giám đốc Trung tâm PTQĐ ký và trình Hội đồng bồi thường và Phòng TN&MT huyện T. Dự thảo phương án bồi thường về đất cho ông Lê Văn C là 2.644.270.331 đồng, trong đó: Tiền bồi thường về đất là 2.299.256.661 đồng, tiền thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng là 10.000.000 đồng, tiền hỗ trợ về tài sản là 335.013.670 đồng.

Ngày 26/02/2024, Hội đồng bồi thường họp và ra Biên bản thẩm tra dự thảo phương án bồi thường số 14/BBTT-HĐBT, kết quả: Nhất trí với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 7 thôn P, xã M) do Trung tâm PTQĐ lập.

Sau khi Trung tâm PTQĐ thực hiện niêm yết công khai dự thảo phương án tại xã M, do Lê Xuân N bận công việc khác nên Lê Quang H – cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T tiếp tục công việc lập dự thảo phương án bồi thường. Mặc dù biết thửa đất hộ ông Lê Văn C không thuộc diện được bồi thường theo đất ở, nhưng ngày 12/3/2024, Lê Quang H vẫn lập Báo cáo số 34 “Kết quả họp dân lấy ý kiến, niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết BT dự án” cùng Bảng dự thảo phương án bồi thường. H ký nháy trên Báo cáo và chuyển cho Nguyễn Công Q - Giám đốc Trung tâm PTQĐ ký báo cáo. Nội dung Báo cáo thể hiện thửa đất của ông Lê Văn C vẫn được bồi thường theo diện là đất ở. Tuy nhiên, về phương án hỗ trợ tài sản trên đất của ông C là 100% giá trị tài sản đối với đất không phải là đất ở theo Quyết định số 3956 ngày 20/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội. Sau đó, Lê Quang H chuyển Báo cáo số 34 đề ngày 12/3/2024 lên Phòng TN&MT huyện T để thẩm định. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Lê Quang H đã bàn bạc với Phạm Thái S - cán bộ Phòng TN&MT huyện T về việc điều chỉnh mức bồi thường hỗ trợ về tài sản từ 50% lên 100% theo Quyết định 3956 ngày 20/12/2022 của UBND TP Hà Nội.

Sau khi nhận Báo cáo và các tài liệu liên quan của Trung tâm PT quỹ đất huyện T, Phạm Thái S - cán bộ Phòng TN&MT là người thẩm định hồ sơ. Mặc dù biết thửa đất hộ ông Lê Văn C không thuộc diện được bồi thường theo đất ở nhưng ngày 21/3/2024, S vẫn lập Báo cáo số 34/BC-TNMT về việc thẩm định hồ sơ đối với dự thảo phương án Bồi thường, hỗ trợ (đợt 7 thôn P, xã M). Dự thảo phương án bồi thường về đất cho ông Lê Văn C theo mức $21.793.902 \text{ đồng/m}^2 \times 105,5 \text{ m}^2 + 670.027.340 \text{ đồng}$ (hỗ trợ về tài sản mức 100%) = 2.979.284.001 đồng, chênh lệch so với dự thảo ban đầu với số tiền là

335.013.670 đồng, ký nháy trên dự thảo và chuyển cho Nguyễn Xuân B – Phó Trưởng Phòng TN&MT huyện T.

Nguyễn Xuân B là Phó Trưởng Phòng TN&MT huyện T, thành viên Tổ thẩm tra - Hội đồng bồi thường có trách nhiệm kiểm tra dự thảo phương án bồi thường do Trung tâm PTQĐ chuyển sang; sau đó có văn bản báo cáo Hội đồng bồi thường kết quả kiểm tra. Đồng thời, thẩm định phương án bồi thường trước khi trình UBND huyện T ký ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất. Do tin tưởng Phạm Thái S là cán bộ đã thẩm tra, thẩm định, xây dựng báo cáo nên khi S trình Báo cáo số 34/BC-TNMT về việc thẩm định hồ sơ đối với Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 7 thôn P, xã M). Với chức trách được giao, B đã không kiểm tra lại hồ sơ, nội dung thẩm tra, thẩm định do cấp dưới trình mà vẫn ký toàn bộ văn bản báo cáo về việc thẩm định hồ sơ đối với dự thảo phương án bồi thường trình lên Hội đồng bồi thường.

Ngày 21/3/2024, Hội đồng bồi thường họp và có Biên bản thẩm tra dự thảo phương án bồi thường, kết quả: Nhất trí với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 7 thôn P, xã M).

Ngày 27/3/2024, UBND huyện T ký ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2530/QĐ-UBND trong đó có 04 hộ đợt 7 thôn P, xã M, phê duyệt cho hộ ông Lê Văn C được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 2.979.284.001 đồng. Đồng thời, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2534/QĐ-UBND về việc thu hồi 105,5m² đất ở tại nông thôn của hộ ông Lê Văn C. Ngày 28/3/2024, ông Lê Văn C nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 2.979.284.001 đồng. Sau khi ông C nhận tiền, Lê Quang H đã nhiều lần liên hệ với gia đình ông C yêu cầu trích lại số tiền 200.000.000 đồng là tiền hỗ trợ về tài sản được tăng hơn so với mức ban đầu nhưng ông C không đồng ý.

Như vậy, căn cứ Khoản 6 Điều 19 và điểm a Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, phần đất diện tích 105,5m² bị thu hồi của ông Lê Văn C tại tờ bản đồ GPMB số 4, thửa đất số 42 không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở. Nhưng Hội đồng bồi thường xác nhận sai nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất dẫn đến bồi thường sai quy định các khoản tiền gồm: Tiền bồi thường về đất ở; Tiền hỗ trợ khác theo điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 10/2017 về hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được giao và đã tự chuyển đổi mục đích

sử dụng đất sang xây dựng công trình, với tổng số tiền là: 1.849.846.361 đồng (theo phương án bồi thường số 2530 ngày 27/3/2024).

Ngày 19/7/2024, Trung tâm PTQĐ ban hành Văn bản số 302/PTQĐ về việc kiểm tra, rà soát hồ sơ GPMB dự án Đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội trong đó đã điều chỉnh phương án bồi thường đối với hộ gia đình ông Lê Văn C kèm Dự thảo điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Lê Văn C số tiền 591.119.473 đồng, chênh lệch so với phương án bồi thường ban đầu số tiền: $2.979.284.001 - 591.119.473 = 2.388.164.528$ đồng, gồm: Tiền bồi thường về đất ở; Tiền hỗ trợ khác theo điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 10/2017 và tiền bồi thường công trình kiến trúc trên đất.

Quá trình điều tra, ngày 17/5/2024 Cơ quan điều tra đã phong tỏa số tiền 1.849.846.361 đồng trong tài khoản số 2204683691761 và số 2204683691755 của bà Nguyễn Thị P (là vợ ông Lê Văn C) mở tại Phòng Giao dịch B - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh T.

Ngày 29/8/2024, UBND huyện T có Văn bản số 2428/UBND-PTQĐ về việc UBND huyện đã tổ chức thực hiện thu hồi, khắc phục số tiền còn lại là 588.164.258 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tại Bản kết luận giám định số 4234 ngày 13/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký nháy bên phải dòng "...thi hành Quyết định này./." trên các "Quyết định số 2530, 2534, 2538/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện T" có phải là chữ do Phạm Thái S ký ra hay không.

+ Chữ ký nháy tại mục "KT. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH" trên các "Quyết định số 2530, 2534, 2538/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện Thanh Oai" là chữ do Nguyễn Xuân B ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Công Q trên "02 phiếu chi ngày 28/3/2024", "Giấy chi trả tiền số 4/GCTT-PTQĐ ngày 28/3/2024", "Biên bản cam kết và bàn giao mặt bằng ngày 28/3/2024" và "Báo cáo kết quả họp dân lấy ý kiến số 34/BC-PTQĐ ngày 12/3/2024" là chữ do Nguyễn Công Q ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Lê Quang H trên "02 phiếu chi ngày 28/3/2024", "Giấy chi trả tiền số 4/GCTT-PTQĐ ngày 28/3/2024", "Biên bản cam kết và bàn giao mặt bằng ngày 28/3/2024" và "Báo cáo kết quả họp dân lấy ý kiến số 34/BC-PTQĐ ngày 12/3/2024" là chữ do Lê Quang H ký ra.

- Tại Bản kết luận giám định số 4235 ngày 13/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Công Q trên “Tờ trình số 11/TTr-PTQĐ ngày 10/01/2024 đề nghị thẩm tra dự thảo phương án BT, HT GPMB...”; Chữ ký dưới dòng chữ viết “Đỗ Văn C” trên “Biên bản thẩm định dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 23/02/2024” là chữ do Nguyễn Công Q ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Lê Xuân N, chữ ký nháy tại mục “GIÁM ĐỐC” tại trang 6 trên “Tờ trình số 11/TTr-PTQĐ ngày 10/01/2024 đề nghị thẩm tra dự thảo phương án BT, HT GPMB...” là chữ do Lê Xuân N ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Lê Duy Th trên “Giấy xác nhận về việc sử dụng đất ngày 23/02/2024”; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Duy Th (dưới chữ ký) trên “Biên bản thẩm định dự thảo phương án BT, HT&TĐC ngày 23/02/2024” là do Lê Duy Th ký và viết ra.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Minh T trên “Giấy xác nhận về việc sử dụng đất ngày 23/02/2024”; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Minh T (dưới chữ ký) trên “Biên bản thẩm định dự thảo phương án BT, HT&TĐC ngày 23/02/2024” là chữ do Nguyễn Thị Minh T ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Thái S (dưới chữ ký) trên “Biên bản thẩm định dự thảo phương án BT, HT&TĐC ngày 23/02/2024” là chữ do Phạm Thái S ký và viết ra.

- Tại Cơ quan điều tra, Lê Xuân N khai: N được phân công làm Tổ phó Tổ công tác GPMB, trực tiếp cùng Tổ công tác đi đo đạc diện tích, kiểm đếm đất và tài sản trên đất của gia đình ông Lê Văn C. N biết thửa đất của gia đình ông Lê Văn C là đất nông nghiệp, xây dựng trái phép nhà ở trên đất nông nghiệp, không đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất ở. Sau khi UBND xã M chuyển hồ sơ liên quan đến thửa đất của ông C, do có công trình trên đất và gia đình ăn ở, sinh sống ổn định từ năm 1996, chưa được cấp giấy CNQSDĐ nên N đã trực tiếp yêu cầu Nguyễn Thị Minh T là địa chính sửa nội dung trong Giấy xác nhận thành “Thửa đất đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất ở”, để N làm căn cứ xây dựng dự thảo phương án bồi thường thửa đất của ông C là đất ở nhằm hoàn thành xong việc giải phóng mặt bằng. Sau khi xây dựng xong dự thảo phương án, N trình Giám đốc Trung tâm PTQĐ là Nguyễn Công Q ký Tờ trình đề nghị thẩm tra dự thảo phương án và Bảng dự thảo phương án chi tiết

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Hội đồng bồi thường và Phòng TN&MT huyện T.

- Lê Quang H khai: H là thành viên Tổ công tác GPMB, trực tiếp tiến hành khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của gia đình ông Lê Văn C. H biết thửa đất của gia đình ông C là đất nông nghiệp. Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thẩm tra hồ sơ và có báo cáo thẩm định thửa đất của gia đình ông Lê Văn C được bồi thường là đất ở (đất có đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất ở), H xây dựng “Thông báo về việc niêm yết công khai dự thảo phương án”, lập biên bản niêm yết công khai dự thảo, biên bản họp dân. Sau đó, H yêu cầu Nguyễn Thị Minh T cung cấp hồ sơ, tài liệu điều tra, khảo sát đất của gia đình ông C. H biết thửa đất trên là đất nông nghiệp nhưng vẫn làm báo cáo kết quả niêm yết công khai, đề xuất bổ sung Dự thảo Phương án đền bù, hỗ trợ đối với tài sản trên đất khi đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Lê Văn C được nâng mức bồi thường từ 50% lên 100% (tương ứng với số tiền 335.013.670 đồng) đối với đất ở. H xây dựng Báo cáo kết quả họp dân lấy ý kiến, niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường và Bảng dự thảo phương án chi tiết bồi thường, trình Nguyễn Công Q- Giám đốc Trung tâm PTQĐ ký gửi Hội đồng bồi thường và Phòng TN&MT. Quá trình điều tra ban đầu, H thừa nhận có đề nghị ông C trích lại số tiền 200.000.000 đồng sau khi nhận bồi thường, hỗ trợ GPMB để bồi dưỡng cho anh em trong tổ công tác nhưng ông C không đồng ý. Sau đó, H thay đổi lời khai, không thừa nhận việc trên.

- Phạm Thái S khai: S được phân công nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với diện tích đất bị thu hồi của ông Lê Văn C bao gồm: nguồn gốc đất bị thu hồi và phương án bồi thường đối với các hộ được bồi thường đợt 7 thôn P, xã M, trong đó có ông Lê Văn C. Sau khi Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T chuyển hồ sơ liên quan đến việc kiểm tra, xác định nguồn gốc đất của gia đình ông Lê Văn C, S biết thửa đất của gia đình ông C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất ở nhưng S vẫn xây dựng Báo cáo về việc thẩm định hồ sơ đối với dự thảo phương án bồi thường, trình Nguyễn Xuân B- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký gửi Hội đồng bồi thường thẩm tra, xét duyệt thửa đất của gia đình ông C được bồi thường là đất ở.

- Nguyễn Xuân B khai: B được giao nhiệm vụ Tổ trưởng Tổ thẩm tra giúp việc Hội đồng bồi thường. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định từ Trung

tâm PTQĐ, B tin tưởng Phạm Thái S đã thẩm tra hồ sơ, dự thảo phương án bồi thường của gia đình ông C nên không kiểm tra lại mà ký báo cáo Hội đồng bồi thường thẩm tra phương án bồi thường cho gia đình ông C là đất ở. B nhận thức việc B xác nhận sai nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông C, dẫn đến việc Hội đồng bồi thường xét duyệt sai phương án bồi thường cho gia đình ông C, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền: 2.388.164.528 đồng.

Như vậy, Lê Xuân N là cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T, Tổ phó Tổ công tác biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất ở nhưng vẫn hướng dẫn cho Nguyễn Thị Minh T là cán bộ địa chính UBND xã M chỉnh sửa nội dung xác nhận nguồn gốc đất nhằm mục đích bồi thường, hỗ trợ cho gia đình Lê Văn C theo diện đất ở; trình và lập dự thảo phương án bồi thường cho gia đình ông C là đất ở, xác nhận sai nguồn gốc đất dẫn đến việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T bồi thường sai, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 2.388.164.528 đồng.

- Lê Quang H là cán bộ Trung tâm PTQĐ huyện T, thành viên Tổ công tác, mặc dù từ đầu H không tiếp nhận, xử lý hồ sơ GPMB đối với hộ gia đình ông Lê Văn C. Tuy nhiên, H biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất ở, nhưng vẫn xác định thửa đất của gia đình ông C là đất ở để báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thẩm định xét duyệt phương án sai quy định, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 2.388.164.528 đồng.

- Phạm Thái S là cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. mặc dù biết thửa đất của gia đình ông Lê Văn C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất ở nhưng S không thẩm tra lại hồ sơ, dự thảo phương án bồi thường của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (bao gồm xác nhận nguồn gốc đất; phương án bồi thường, hỗ trợ...) S vẫn xác nhận thửa đất của gia đình ông C được bồi thường là đất ở, là người lập báo cáo trình Nguyễn Xuân B- Phó Trưởng phòng TN&MT để đưa ra Hội đồng xét duyệt sai nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông C từ đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất ở để được áp giá bồi thường như đất ở, gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 2.388.164.528 đồng.

- Nguyễn Xuân B là Phó Trưởng phòng TN&MT, thành viên Tổ thẩm tra - Hội đồng bồi thường, có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra dự thảo phương án bồi thường do Trung tâm PTQĐ trình; sau đó có văn bản báo cáo Hội đồng bồi thường kết quả kiểm tra. Đồng thời, thẩm định phương án bồi thường trước khi

trình UBND huyện T ký ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất. Theo Điều 31, Quyết định số 12600/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về việc ban hành Quy chế phân công, phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện T, Phòng TN&MT có trách nhiệm: “Hướng dẫn UBND xã (thị trấn) xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, quá trình sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP đảm bảo đủ cơ sở áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định...”, với vai trò là Phó Trưởng phòng TN&MT, B đã không chỉ đạo hướng dẫn UBND xã M xác nhận nguồn gốc đất đúng quy định; không trực tiếp đánh giá, thẩm tra, thẩm định hồ sơ do Trung tâm PTQĐ chuyển sang; với chức trách, nhiệm vụ được giao, B đã không kiểm tra lại hồ sơ, nội dung thẩm tra, thẩm định do cấp dưới trình mà vẫn thực hiện ký các văn bản kết quả thẩm tra, thẩm định, dẫn tới việc báo cáo Hội đồng bồi thường thực hiện chi trả sai gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 2.388.164.528 đồng.

Tại Bản án số 754/2024/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Xuân N, Lê Quang H và Phạm Thái S phạm tội *“Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”*; bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*

Áp dụng khoản 3 điều 230; điểm b, s, v khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017. Xử phạt Lê Quang H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt Lê Xuân N 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; Phạm Thái S 03 năm tù giam; Nguyễn Xuân B 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; quyết định về xử lý tài sản, án phí, tuyên các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 30/12/2024, bị cáo Lê Quang H kháng cáo đề nghị giảm mức phạt hình tù đối với bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Quang H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về tội danh. Bị cáo đề nghị giảm hình phạt tù vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ tuổi cao, con còn nhỏ. Bị cáo lần đầu tham gia dự án bồi thường giải phóng mặt bằng, do áp lực tiến độ nên đã sai phạm, bị cáo luôn làm theo đúng chức trách nhiệm vụ của mình, tài sản của Nhà nước bị thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn, bị cáo không phải là người lập

phương án bồi thường.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Lê Quang H 03 năm 06 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*” theo khoản 3 Điều 230 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm hình phạt tù cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa xem xét đúng tính chất mức độ và vai trò của bị cáo trong vụ án. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, bị cáo không phải là người lập hồ sơ, không phải là người có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ bồi thường, bị cáo tiếp nhận hồ sơ từ Lê Xuân N, cấp sơ thẩm không áp dụng hết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ở cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ ở điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quang H làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Quang H:

[2.1] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo khác và người liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Lê Xuân N là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, được phân công làm Tổ phó Tổ công tác giải phóng mặt bằng, trực tiếp cùng Tổ công tác đi đo đạc diện tích, kiểm đếm đất và tài sản trên đất của gia đình ông Lê Văn C. N biết thừa đất của gia đình ông Lê Văn C là đất nông nghiệp, xây dựng trái phép nhà ở trên đất nông nghiệp, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ở. Sau khi UBND xã M chuyển hồ sơ liên quan đến thửa đất của ông C, do có công trình trên đất và gia đình ăn ở, sinh sống ổn định từ năm 1996, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên N đã trực tiếp yêu cầu cán bộ địa chính sửa nội dung trong Giấy xác nhận thành “Thửa đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở”, để làm căn cứ xây dựng dự thảo phương án bồi thường thửa đất của ông C là đất ở nhằm hoàn thành xong việc giải phóng mặt bằng. Sau khi xây dựng xong dự thảo phương án, N trình Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất ký Tờ trình đề nghị thẩm tra dự thảo phương án và Bảng dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Hội đồng bồi thường và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T. Hành vi của bị cáo gây thiệt hại cho nhà nước là tiền đền bù đối với đất ở cao hơn tiền đền bù đối với đất nông nghiệp.

Lê Quang H là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T khai, là thành viên Tổ công tác giải phóng mặt bằng, trực tiếp tiến hành khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất. Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thẩm tra hồ sơ và có báo cáo thẩm định thửa đất của gia đình ông Lê Văn C được bồi thường là đất ở, H xây dựng “Thông báo về việc niêm yết công khai dự thảo phương án”, lập biên bản niêm yết công khai dự thảo, biên bản họp dân. Sau đó, H yêu cầu Nguyễn Thị Minh T cung cấp hồ sơ, tài liệu điều tra, khảo sát đất của gia đình ông C. H biết thửa đất trên là đất nông nghiệp nhưng vẫn làm báo cáo kết quả niêm yết công khai, đề xuất bổ sung dự thảo Phương án đền bù, hỗ trợ đối với tài sản trên đất khi đất bị thu hồi của hộ gia đình ông Lê Văn C được nâng mức bồi thường từ 50% lên 100% (tương ứng với số tiền 335.013.670 đồng) đối với đất ở. Hành vi của bị cáo làm thiệt hại cho nhà nước là tiền đền bù cao hơn quy định.

Phạm Thái S là cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T khai được phân công nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhưng S vẫn xây dựng Báo cáo về việc thẩm định hồ sơ đối với dự thảo phương án bồi thường, trình Nguyễn Xuân B- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký gửi Hội đồng bồi thường thẩm tra, xét duyệt thửa đất của gia đình ông C được bồi thường là đất ở dẫn đến việc bồi thường không đúng quy định, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Các bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 19 và điểm a khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, dẫn đến bồi thường sai quy định, gây thiệt hại cho nhà nước 2.388.164.528 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Lê Xuân N, Lê Quang H và Phạm Thái S phạm tội *“Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”*, theo quy định tại khoản 3 Điều 230 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quang H, xem xét nhân thân, vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo; hậu quả vụ án đã được ngăn chặn; bị cáo có thành tích xuất sắc trong học tập, thành tích tiên tiến trong công tác; tham gia các phong trào cộng đồng, hiến máu nhân đạo; nhân thân bị cáo tốt. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lê Quang H là có căn cứ. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Gia đình bị cáo và gia đình vợ bị cáo có công với cách mạng), bị cáo cũng đã nhận thức được sai phạm và ăn năn hối cải, vai trò của bị cáo đứng sau bị cáo Lê Xuân N trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm và giảm một phần mức hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa là phù hợp. Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, việc xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã khoan hồng cho bị cáo nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo hưởng án treo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang H và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Quang H:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang H phạm tội “*Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 230; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Quang H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2024.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Quang H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- CQĐT Công an tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

